

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2012/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 16/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khoá XI - kỳ họp thứ 6 Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện Công văn số 15159/BTC-QLCS ngày 27/10/2009 của Bộ Tài chính về việc giải quyết vướng mắc khi áp dụng chính sách ưu đãi về đất đối với cơ sở xã hội hoá;

Thực hiện Công văn số 8055/BTC-TCT ngày 21/6/2010 của Bộ Tài chính về việc miễn tiền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3104/TTr-STC ngày 13/12/2012 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp số 235/BC-STP ngày 05/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 42/2009/QĐ-UBND ngày 28/8/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy định này quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh.

Những nội dung không có trong Quy định này, thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và các quy định hiện hành của nhà nước có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá, cụ thể:

a1) Cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề); hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá;

a2) Cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây được gọi là cơ sở thực hiện xã hội hoá)

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá

Cơ sở thực hiện xã hội hoá trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và nằm trong quy hoạch mạng lưới phát triển ngành, lĩnh vực văn hoá, thể dục thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế, dạy nghề, môi trường phù hợp với quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hoá được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hoá

1. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy hoạch và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hoá hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hoá đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

4. Các cơ quan nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng trong hoạt động cũng như đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hoá như cơ sở công lập. Các cơ sở thực hiện xã hội hoá được tham gia các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn

vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được liên doanh, liên kết với các tổ chức theo quy định của pháp luật nhằm huy động vốn, nhân lực, công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

6. Tài sản của cơ sở thực hiện xã hội hoá bao gồm tài sản của cá nhân, tập thể, tài sản của các cơ sở sự nghiệp công lập tham gia góp vốn khi thành lập và phần tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động; trong đó tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hoá không được chia cho cá nhân; chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

7. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá ngừng hoạt động, phải giải thể thì thực hiện trình tự, thủ tục giải thể, xử lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI

Điều 4. Cho thuê nhà, xây dựng cơ sở vật chất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được ưu tiên thuê nhà, cơ sở hạ tầng để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hoá phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của tỉnh.

2. Hàng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển các lĩnh vực xã hội hoá và khả năng ngân sách của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào dự toán phân bổ ngân sách để đầu tư, cải tạo nâng cấp quỹ nhà, cơ sở hạ tầng thuộc nhà nước quản lý hoặc đầu tư xây dựng mới nhà, cơ sở hạ tầng để cho các cơ sở thực hiện xã hội hoá thuê dài hạn với giá ưu đãi, cụ thể:

a) Thời gian cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với các cơ sở thực hiện xã hội hoá được xác định cho từng trường hợp cụ thể nhưng tối thiểu không dưới 10 năm. Hết thời hạn này, nếu cơ sở thực hiện xã hội hoá còn có nhu cầu sử dụng nhà, cơ sở hạ tầng thì được ưu tiên tiếp tục gia hạn thời gian thuê, thời gian của một đợt gia hạn tối thiểu không dưới 05 năm. Trường hợp các cơ sở thực hiện xã hội hoá có nhu cầu thuê nhà, cơ sở hạ tầng ít hơn thời gian đã xác định trên thì thời gian cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng được xác định theo đề nghị của các cơ sở thực hiện xã hội hoá.

b) Mức giá cho thuê ưu đãi nhà, cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá được xác định như sau:

Mức giá cho thuê ưu đãi nhà, cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá tối đa không bao gồm tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng (nếu có) và lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng theo dự án được duyệt. Đơn giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể cho từng trường hợp theo từng lĩnh vực và điều kiện thực tế tại thời điểm cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính theo nguyên tắc:

b1) Đối với nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, giá cho thuê được xác định trên cơ sở đánh giá lại tài sản theo quy định hiện hành về quản lý tài sản và đảm bảo phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại.

b2) Đối với nhà, cơ sở hạ tầng xây dựng mới được xác định bằng giá xây dựng (bao gồm cả thuế của đơn vị xây dựng), không bao gồm tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng, tiền lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng.

b3) Thời gian ổn định đơn giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng được ổn định 5 năm. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá có nhu cầu trả tiền thuê nhà, cơ sở hạ tầng một lần cho cả thời gian thuê thì tùy theo từng trường hợp cụ thể UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Trình tự, thủ tục xác định dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hoá, thời gian và giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này. Đối với việc xác định giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng sau khi hết thời gian ổn định 5 năm và giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này xác định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Hỗ trợ lãi đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hoá thuê được thực hiện như sau:

a) Thời gian hỗ trợ:

a1) Hỗ trợ 03 năm tiền lãi vay ngân hàng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hoá thuê thuộc khu vực đô thị kể từ ngày UBND tỉnh có quyết định cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng và được hỗ trợ theo từng năm.

a2) Hỗ trợ 05 năm tiền lãi vay ngân hàng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hoá thuê thuộc khu vực ngoài đô thị kể từ ngày UBND tỉnh có quyết định cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng và được hỗ trợ theo từng năm.

Mức lãi vay 01 năm được tính bằng mức lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Quảng Ngãi và giá trị sửa chữa, xây dựng mới để cho cơ sở thực hiện xã hội hoá thuê.

b) Trình tự, thủ tục hỗ trợ tiền lãi vay ngân hàng cho cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

Điều 5. Hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

1. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được giao đất, cho thuê đất để xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo dự án đầu tư được duyệt phải nộp chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thì được nhà nước hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, với mức hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 20% giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng đối với địa bàn thành phố Quảng Ngãi

b) Hỗ trợ 30% giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng đối với địa bàn thị trấn các huyện

b) Hỗ trợ 50% giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng đối với địa bàn các xã còn lại

2. Xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

a) Trường hợp tại thời điểm giao đất, cho thuê đất cho cơ sở thực hiện xã hội hoá mà chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định thì chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với diện tích đất giao, đất thuê cho cơ sở thực hiện xã hội hoá được xác định theo công thức sau:

$$C_{ht}(\text{đồng}) = \frac{C_{da} - C_{bt}}{DT_{da}} \times DT_{xhx}$$

Trong đó:

a1) C_{ht} (đồng): Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với diện tích đất được giao, cho thuê của cơ sở thực hiện xã hội hoá

a2) C_{da} (đồng): Giá trị quyết toán chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được quy đổi về mặt bằng giá tại thời điểm giao đất, cho thuê đất cho cơ sở thực hiện xã hội hoá (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)

a3) C_{bt} (đồng): Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án bồi thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a4) DT_{da} (m^2): Diện tích đất được giao của dự án, khu đô thị mới theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền

a5) DT_{xhx} (m^2): Diện tích đất được giao, cho thuê của cơ sở thực hiện xã hội hoá theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền

b) Trường hợp tại thời điểm giao đất, cho thuê đất cho cơ sở thực hiện xã hội hoá mà chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định thì chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với diện tích đất giao, đất thuê cho cơ sở thực hiện xã hội hoá được xác định theo công thức sau:

$$C_{ht}(\text{đồng}) = \frac{C_{da} - (C_{bt} + C_{gg} + C_{dp})}{DT_{da}} \times DT_{xhx}$$

Trong đó:

b1) C_{ht} (đồng): Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với diện tích đất được giao, cho thuê của cơ sở thực hiện xã hội hoá

b2) C_{da} (đồng): Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới theo dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)

b3) C_{bt} (đồng): Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án bồi thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

b4) C_{gg} (đồng): chi phí giảm giá do đấu thầu xây lắp (nếu có)

b5) C_{dp} (đồng): Chi phí dự phòng chi của dự án, khu đô thị mới theo dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định

b6) DT_{da} (m^2): Diện tích đất được giao của dự án, khu đô thị mới theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền

b7) DT_{xhx} (m^2): Diện tích đất được giao, cho thuê của cơ sở thực hiện xã hội hoá theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền

c) Trình tự, thủ tục xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

Điều 6. Chính sách giao đất, cho thuê đất và hoàn trả kinh phí bồi thường

1. Tùy theo điều kiện thực tế và từng trường hợp cụ thể, cơ sở thực hiện xã hội hoá được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định giao đất có thời hạn hoặc cho thuê đất có thời hạn đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hoá theo các hình thức sau:

a) Giao đất không thu tiền sử dụng đất trong thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất;

b) Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất trong thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất;

c) Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn nộp tiền sử dụng đất trong thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất.

d) Riêng đối với đất đô thị, cơ sở thực hiện xã hội hoá được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định giao đất có thời hạn hoặc cho thuê đất có thời hạn và được miễn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời hạn được giao, được thuê đất.

đ) Đối với đất ở thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai

2. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất. Việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất được thực hiện sau khi dự án hoàn thành giai đoạn đầu tư, đưa vào sử dụng theo tiến độ đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo cam kết mà nhà đầu tư đã cam kết với UBND tỉnh.

3. Trình tự, thủ tục miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ sở thực hiện xã hội hoá thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

4. Trường hợp chủ đầu tư đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hoá theo phương án bồi thường được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi

hành) thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hoá sẽ được Ngân sách nhà nước hoàn trả chia làm 02 đợt:

a) Đợt 1: Hoàn trả 50% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án xã hội hoá theo phương án bồi thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với phần diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hoá trong niên độ ngân sách của năm mà chủ đầu tư đề nghị sau khi dự án đi vào hoạt động và được UBND tỉnh đồng ý miễn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

b) Đợt 2: Hoàn trả 50% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án xã hội hoá theo phương án bồi thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với phần diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hoá còn lại trong niên độ ngân sách của năm tiếp theo.

c) Trình tự, thủ tục hoàn trả kinh phí bồi thường cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đã ứng trước để thực hiện công tác bồi thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

5. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký lựa chọn một địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa thì thực hiện chọn nhà đầu tư theo phương thức đấu thầu để lựa chọn dự án đáp ứng cao nhất các tiêu chí về quy mô, chất lượng, hiệu quả.

6. Kể từ ngày 07/8/2009, các trường hợp được phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai để thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hoá đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Chương I Quy định này thì được áp dụng chính sách khuyến khích xã hội hoá theo Quy định này.

7. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 1 Điều này) thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định theo thẩm quyền việc giao đất, cho thuê đất cho chủ đầu tư dự án xã hội hoá theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Trong trường hợp này cơ sở thực hiện xã hội hoá được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước theo quy định (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp nhưng không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định; được tính giá trị quyền sử dụng đất, giá trị thuê đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền một lần theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

8. Trường hợp cơ sở công lập, bán công chuyển đổi sang loại hình cơ sở thực hiện xã hội hoá nếu đáp ứng được các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá được quy định tại Chương I Quy định này thì được UBND tỉnh quyết định tiếp tục sử dụng diện tích đất đang sử dụng dưới các hình thức giao đất

không thu tiền sử dụng đất, hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn nộp tiền sử dụng đất, hoặc cho thuê đất theo quy định tại Quy định này.

9. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải sử dụng đất đúng mục đích và phù hợp với quy hoạch đất dành cho các lĩnh vực xã hội hoá. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích được giao thì bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, đồng thời phải nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền thuê đất được miễn từ thời điểm giao đất đến thời điểm thu hồi đất theo giá thuê đất tại thời điểm có quyết định thu hồi đất và phải nộp ngân sách nhà nước những khoản mà cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu đãi theo quy định (nếu có).

10. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá thực hiện dự án đầu tư không đáp ứng đầy đủ về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, kỹ thuật, tiến độ đầu tư dự án được xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc đã thể hiện bằng văn bản cam kết riêng thì nhà đầu tư không được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất do UBND tỉnh quyết định tại thời điểm có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền hoặc nộp tiền thuê đất theo quy định của UBND tỉnh từ thời điểm cho thuê đất theo giá thuê đất tại thời điểm có quyết định xử lý và phải nộp vào ngân sách nhà nước những khoản mà cơ sở thực hiện xã hội hoá đã được ưu đãi theo quy định (nếu có)

11. Cơ sở thực hiện xã hội hoá được giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng miễn tiền thuê đất phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Đất đai; không được tính giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng để thế chấp làm tài sản vay vốn.

12. Cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chuyển nhượng đất đã được giao để thực hiện dự án xã hội hóa. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển nhượng cơ sở thực hiện xã hội hóa thì phải bảo đảm việc chuyển nhượng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ xã hội hóa. Trong trường hợp này, việc thu hồi lại đất đã giao cho chủ đầu tư cũ để giao đất hoặc cho thuê đất đối với chủ đầu tư mới thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

13. Các cơ quan nhà nước khi quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh (bao gồm cả các khu đô thị mới, khu công nghiệp) phải bố trí quỹ đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa; thực hiện việc công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa và quy trình, thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Điều 7. Chính sách ưu đãi về tín dụng

1. Trên cơ sở Đề án phát triển xã hội hoá các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường đã được HĐND tỉnh thông qua và

đã được Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định ban hành, cơ sở thực hiện xã hội hoá thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại Chương I Quy định này được vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng ưu đãi đầu tư của nhà nước (Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước, Thông tư số 35/2012/TT-BTC ngày 02/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước)

2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với từng lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tuyên truyền và phổ biến các chính sách ưu đãi về tín dụng đối với các lĩnh vực xã hội hoá của Bộ, ngành Trung ương để các cơ sở thực hiện xã hội hoá biết và thực hiện.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực

Cơ sở thực hiện xã hội hoá được hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo lao động, áp dụng như chính sách hỗ trợ đào tạo lao động đối với các nhà đầu tư có hoạt động đầu tư vào các Khu công nghiệp của tỉnh theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Chương III TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN ƯU ĐÃI

Điều 9. Cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng

Xác định dự án thuộc lĩnh vực xã hội hoá, thời gian và giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định này được thực hiện như sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hoá có văn bản đề nghị thuê nhà, cơ sở hạ tầng (kèm theo hồ sơ có liên quan đến dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) gửi đến Sở Tài chính.

2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị của cơ sở thực hiện xã hội hoá nêu tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở thực hiện xã hội hoá, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục thuế tỉnh, cơ quan chuyên ngành về lĩnh vực xã hội hoá; Tổ chức đang quản lý nhà, cơ sở hạ tầng; chủ đầu tư dự án và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm tra dự án đầu tư theo quy định tại Chương I Quy định này và xác định thời gian cho thuê, giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Hỗ trợ tiền lãi vay ngân hàng

Hỗ trợ tiền lãi vay ngân hàng cho Tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này được thực hiện như sau:

1. Trên cơ sở tiền vay ngân hàng mà Tổ chức đang quản lý nhà, cơ sở hạ tầng được phép vay ngân hàng để xây dựng mới, sửa chữa nhà, cơ sở hạ tầng theo quy định đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong dự án đầu tư, Tổ chức đang quản lý nhà, cơ sở hạ tầng xác định kinh phí hỗ trợ tiền lãi vay ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này và nộp hồ sơ về Sở Tài chính, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ tiền lãi vay ngân hàng của Tổ chức đang quản lý nhà, cơ sở hạ tầng (trong đó phải xác định được số tiền vay, số tiền hỗ trợ lãi vay ngân hàng);

b) Quyết định cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hoá của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này;

c) Dự án đầu tư và quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhà, cơ sở hạ tầng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có liên quan đến việc cho cơ sở thực hiện xã hội hoá thuê;

d) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị;

e. Bản sao có chứng thực Giấy phép kinh doanh (trong đó phải có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng);

f) Bản sao có chứng thực Hợp đồng cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng với cơ sở thực hiện xã hội hoá.

2. Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tổ chức đang quản lý nhà, cơ sở hạ tầng và các cơ quan liên quan thẩm tra hồ sơ đề nghị của Tổ chức đang quản lý nhà, cơ sở hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này và đề xuất nguồn kinh phí để chi trả hỗ trợ tiền lãi vay ngân hàng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 11. Chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá được giao đất, cho thuê đất để xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo dự án được duyệt quy định tại Điều 5 Quy định này được thực hiện như sau:

1. Sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ sở thực hiện xã hội hoá có văn bản đề nghị xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với các dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế Dung Quất, ngoài các Khu công nghiệp tỉnh), hoặc tại Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (đối với các dự án đầu tư thuộc địa bàn Khu kinh tế Dung Quất), hoặc tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi (đối với dự án đầu tư thuộc các Khu công nghiệp tỉnh) (sau đây viết tắt là Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi), hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của cơ sở thực hiện xã hội hoá

b) Quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của cơ sở thực hiện xã hội hoá, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có văn bản gửi chủ đầu tư dự án, khu đô thị mới xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

3. Sau khi nhận được văn bản đề nghị xác định chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng của Sở Kế hoạch và Đầu tư, hoặc của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, hoặc của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, chủ đầu tư dự án, khu đô thị mới có trách nhiệm xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này và gửi hồ sơ cho cơ quan đề nghị xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của chủ đầu tư dự án, khu đô thị mới;

b) Dự án đầu tư và quyết định phê duyệt dự án đầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Quyết định phê duyệt quyết toán dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền theo quy định (nếu có);

d) Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của cấp có thẩm quyền (kèm theo phương án bồi thường được duyệt và các hồ sơ, chứng từ về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ);

e) Hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc giám giá trong đấu thầu xây lắp (nếu có).

4. Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, chủ đầu tư dự án, khu đô thị mới, cơ sở thực hiện xã hội hoá và các cơ quan liên quan xác định chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, khu đô thị mới theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy định này và đề xuất bố trí từ nguồn vốn ngân sách để chi trả hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hoá đối với trường hợp dự án, khu đô thị mới được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng không phải từ ngân sách nhà nước, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 12. Hoàn trả kinh phí bồi thường cho cơ sở thực hiện xã hội hoá đã ứng trước để thực hiện công tác bồi thường

Hoàn trả kinh phí bồi thường mà cơ sở thực hiện xã hội hoá đã ứng trước để thực hiện công tác bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy định này được thực hiện như sau:

1. Sau khi dự án đầu tư đi vào hoạt động và được UBND tỉnh đồng ý miễn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Điều 13 Quy định này, cơ sở thực hiện xã hội hoá xác định kinh phí bồi thường và nộp hồ sơ về Sở Tài chính, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị hoàn trả lại kinh phí bồi thường của cơ sở thực hiện xã hội hoá (trong đó phải xác định được số tiền hoàn trả);

b) Quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền;

c) Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của cấp có thẩm quyền (kèm theo phương án bồi thường được duyệt);

d) Hồ sơ, chứng từ liên quan đến chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

2. Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, cơ sở thực hiện xã hội hoá và các cơ quan có liên quan xác định kinh phí bồi thường mà cơ sở thực hiện xã hội hoá đã chi trả và đề xuất bố trí từ nguồn vốn ngân sách để hoàn trả kinh phí bồi thường cho cơ sở thực hiện xã hội hoá, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xử lý vi phạm đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá trong quá trình sử dụng đất

Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy định này được thực hiện như sau:

1. Khi lập dự án đầu tư theo quy định, cơ sở thực hiện xã hội hoá phải có giải trình kinh tế, kỹ thuật, đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hoá thuộc lĩnh vực đầu tư và cam kết thực hiện đầu tư đúng tiến độ và nộp hồ sơ dự án đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc tại Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

2. Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư của cơ sở thực hiện xã hội hoá theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh, Sở chuyên ngành về lĩnh vực xã hội hoá, chủ đầu tư và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm tra dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hoá theo quy định tại Chương I Quy định này để trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt ưu đãi về đất.

Trường hợp dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hoá theo quy định tại Quy định này thì phải xác lập các cam kết của nhà đầu tư về đảm bảo thực hiện đúng loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, kỹ thuật, tiến độ đầu tư, thời gian hoàn thành từng giai đoạn đầu tư, thời gian đưa vào sử dụng và một số nội dung khác theo quy định để làm cơ sở kiểm tra và thực hiện việc miễn nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sau khi hoàn thành giai đoạn đầu tư, đưa vào sử dụng. Các cam kết này được thể hiện trong Giấy chứng nhận đầu tư (đối với các dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đầu tư và các dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đầu tư nhưng nhà đầu tư yêu cầu xác nhận ưu đãi đầu tư) hoặc thể hiện bằng văn bản cam kết riêng (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đầu tư).

3. Trên cơ sở ưu đãi về đất đã được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thẩm tra dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ sở thực hiện xã hội hoá lập hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất theo quy định gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tạm thời chưa xác định nghĩa vụ tài chính về đất.

4. Sau khi dự án hoàn thành giai đoạn đầu tư, đưa vào sử dụng theo tiến độ đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc cam kết của chủ đầu tư, trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đưa vào sử dụng, cơ sở thực hiện xã hội hoá phải báo cáo cụ thể kết quả thực hiện đầu tư dự án bằng văn bản (kèm theo hồ sơ có liên quan đến dự án đầu tư) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

5. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở thực hiện xã hội hoá theo quy định tại khoản 4 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Sở chuyên ngành về lĩnh vực xã hội hoá, chủ đầu tư và các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra thực tế dự án đầu tư, lập Biên bản xác định kết quả triển khai thực hiện dự án theo nội dung đã được xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc đã thể hiện bằng văn bản cam kết riêng. Trường hợp sau khi kiểm tra thực tế:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hoá sử dụng đất đúng mục đích được giao và việc thực hiện dự án đầu tư đáp ứng đầy đủ về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, kỹ thuật, tiến độ đầu tư dự án được xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc đã thể hiện bằng văn bản cam kết riêng thì chủ đầu tư được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Giá đất để tính tiền miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định theo giá đất sản xuất kinh doanh do UBND tỉnh quy định hàng năm tại thời điểm có quyết định giao đất, cho thuê đất. Trình tự, thủ tục xác định giá đất, đơn giá thuê đất được thực hiện theo quy định của nhà nước.

b) Cơ sở thực hiện xã hội hoá không đưa toàn bộ hoặc một phần diện tích đất được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích được giao thì được xử lý theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Quy định này. Tài sản mà cơ sở thực hiện

xã hội hoá đã đầu tư trên đất bị thu hồi được xử lý theo các quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi.

c) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá thực hiện dự án đầu tư không đáp ứng đầy đủ về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, kỹ thuật, tiến độ đầu tư dự án được xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc đã thể hiện bằng văn bản cam kết riêng thì được xử lý theo quy tại khoản 10 Điều 6 Quy định này. Việc xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước tại thời điểm có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

6. Trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại khoản 5 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có trách nhiệm trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để làm cơ sở thực hiện. Sau khi có ý kiến đồng ý miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh căn cứ vào Quyết định phê duyệt đơn giá đất, đơn giá thuê đất của cấp có thẩm quyền và hồ sơ địa chính có liên quan xác định số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn để làm cơ sở ban hành Quyết định miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định. Trên cơ sở Quyết định miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Cục Thuế tỉnh, cơ sở thực hiện xã hội hoá gửi hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều này thì việc điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất.

7. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá không thực hiện báo cáo dự án hoàn thành theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có trách nhiệm yêu cầu cơ sở thực hiện xã hội hoá thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 14. Xử lý các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hoá đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hoá đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành mà không đưa toàn bộ hoặc một phần diện tích đất được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích được giao thì được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Quy định này hoặc việc thực hiện dự án đầu tư không đáp ứng đầy đủ về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, kỹ thuật, tiến độ đầu tư dự án được xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc dự án đầu tư được duyệt thì được xử lý theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 13 Quy định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh rà soát các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hoá đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trước ngày Quy định

này có hiệu lực thi hành và có văn bản yêu cầu cơ sở thực hiện xã hội hoá báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư (kèm theo hồ sơ có liên quan đến dự án đầu tư) và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở thực hiện xã hội hoá theo quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Cục thuế tỉnh, Sở chuyên ngành về lĩnh vực xã hội hoá, chủ đầu tư và các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra thực tế dự án đầu tư, lập Biên bản xác định kết quả triển khai thực hiện dự án theo nội dung đã được xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc dự án đầu tư được duyệt. Trường hợp sau khi kiểm tra thực tế:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hoá sử dụng đất đúng mục đích được giao và việc thực hiện dự án đầu tư đáp ứng đầy đủ về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, kỹ thuật, tiến độ đầu tư dự án được xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc dự án đầu tư được duyệt thì chủ đầu tư dự án được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền cấp.

b) Cơ sở thực hiện xã hội hoá không đưa toàn bộ hoặc một phần diện tích đất được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích được giao thì được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Quy định này.

c) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá thực hiện dự án đầu tư không đáp ứng đầy đủ về loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, kỹ thuật, tiến độ đầu tư dự án được xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc dự án đầu tư được duyệt thì được xử lý theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 13 Quy định này.

4. Trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình UBND tỉnh xem xét, quyết định xử lý các trường hợp theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm các Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, thường xuyên phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để xác định cụ thể nhu cầu phát triển các dự án xã hội hóa, từ đó xác định vị trí, quy mô đầu tư cho từng dự án đối với từng lĩnh vực trên

từng địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020 và tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trong việc xác định đối tượng, quy mô, loại hình được ưu đãi xã hội hóa cho từng dự án đầu tư cụ thể theo Quy định này.

c) Phối hợp với UBND các huyện, thành phố (nơi triển khai dự án xã hội hóa) thường xuyên kiểm tra các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý, đã được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư để đôn đốc, nhắc nhở triển khai dự án theo đúng kế hoạch, đúng với nội dung đăng ký hưởng chính sách ưu đãi.

d) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hoá thực hiện theo từng lĩnh vực xã hội hoá chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý và công bố công khai các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân biết tham gia các lĩnh vực xã hội hoá.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc xác định mức chi hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo cho cơ sở thực hiện xã hội hoá theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ngành liên quan thẩm tra dự án đầu tư để xác định ưu đãi về đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và tổ chức kiểm tra dự án hoàn thành theo báo cáo của chủ đầu tư để làm cơ sở miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc tổ chức đấu thầu để lựa chọn dự án đầu tư đáp ứng cao nhất các tiêu chí về quy mô, chất lượng, hiệu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy định này.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trong việc xác định giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng, hỗ trợ lãi vay, hoàn trả kinh phí bồi thường cho cơ sở thực hiện xã hội hoá đã ứng trước.

d) Trên cơ sở dự trù kinh phí giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất để thực hiện dự án thuộc lĩnh vực xã hội hoá hàng năm do UBND huyện, thành phố đề nghị; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, ghi kế hoạch kinh phí thực hiện giải phóng mặt bằng trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định nhu cầu kinh phí do ngân sách Trung ương hỗ trợ trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo các Bộ, ngành chức năng xem xét, ghi vốn thực hiện cho tỉnh trong kế hoạch hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan xác định giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng; kinh phí hỗ trợ lãi vay và chi phí bồi thường phải hoàn trả cho cơ sở thực hiện xã hội hoá đã ứng trước, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trong việc xác định ưu đãi về đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Sở Xây dựng:

a) Rà soát, bổ sung quy hoạch chi tiết xây dựng của từng ngành thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa tại địa bàn các huyện, thành phố.

b) Xây dựng quy trình về thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan khác theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất để cơ sở xã hội hóa thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất theo quy hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trong việc xác định giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng; kinh phí hỗ trợ lãi vay, chi phí bồi thường phải hoàn trả cho cơ sở thực hiện xã hội hoá đã ứng trước, ưu đãi về đất và chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

d) Hàng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển các lĩnh vực xã hội hoá tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để đầu tư, cải tạo nâng cấp quỹ nhà, cơ sở hạ tầng thuộc nhà nước quản lý hoặc đầu tư xây dựng mới nhà, cơ sở hạ tầng để cho các cơ sở thực hiện xã hội hoá thuê.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu phát triển các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa.

b) Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra dự án hoàn thành theo báo cáo của chủ đầu tư để làm cơ sở miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Quy định này đối với các dự án xã hội hoá trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập kế hoạch, kinh phí giải phóng mặt bằng hàng năm để thực hiện các dự án xã hội hóa.

e) Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

đ) Công bố công khai quy trình, thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá

6. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh:

a) Rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu phát triển các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý.

b) Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý và tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xác định ưu đãi về đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc địa bàn quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và tổ chức kiểm tra dự án hoàn thành theo báo cáo của chủ đầu tư để làm cơ sở miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Quy định này.

7. Cục Thuế tỉnh:

a) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hoá trong việc kê khai miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

b) Thực hiện việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo đúng quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trong việc xác định kinh phí hỗ trợ lãi vay; chi phí bồi thường phải hoàn trả cho cơ sở thực hiện xã hội hoá đã ứng trước, ưu đãi về đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các nội dung khác có liên quan theo Quy định này.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Căn cứ quy hoạch của các ngành, nhu cầu phát triển từng lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa trên từng địa bàn để cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho từng giai đoạn của địa phương mình. Trên cơ sở đó, chủ động xây dựng kế hoạch giải phóng mặt bằng và dự trù kinh phí giải phóng mặt bằng hàng năm đối với quỹ đất thực hiện lĩnh vực xã hội hóa, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

b) Chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất để thực hiện dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa tại địa phương mình theo kế hoạch đề ra.

c) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường xác định cụ thể nhu cầu phát triển các dự án xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân biết tham gia các lĩnh vực xã hội hoá và tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hoá

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và Mục XII Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường. Ngoài ra, cơ sở thực hiện xã hội hoá còn phải có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án thuộc lĩnh vực xã hội hoá theo đúng Quy định này và Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp không thực hiện đúng theo Quy định này và Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền thì sẽ bị xử lý theo Quy định này và quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá theo Quy định này và các văn bản quy định hiện hành khác có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi về các thủ tục hành chính, cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục liên quan khác để cơ sở thực hiện xã hội hoá thực hiện đầu tư xây dựng và sửa chữa cơ sở vật chất theo quy hoạch.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, cơ sở thực hiện xã hội hoá kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa